

Số: /TMBG - BVĐK

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 3 năm 2026

V/v Mời báo giá mua sắm đồ vải

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty / Đơn vị cung cấp dịch vụ

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán làm cơ sở lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm đồ vải của bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang”.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang kính mời các quý Công ty báo giá theo nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Hành chính - Quản trị

- Bà : Trần Thị Khánh Nhung
- Chức vụ: Thành viên Tổ giúp việc
- Số điện thoại: 0912978837

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Địa chỉ tiếp nhận báo giá: Phòng văn thư, Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 28 tháng 3 năm 2026 đến trước 17h00 ngày 05 tháng 4 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ yêu cầu báo giá:

(Có danh mục chi tiết hàng hóa kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian dự kiến thực hiện: Năm 2026

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Tạm ứng/thanh toán: Theo thỏa thuận giữa 2 bên và sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ các giấy tờ pháp lý liên quan.

Tối đa 90 ngày kể từ ngày 2 bên thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có):

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; tổ giúp việc

Nguyễn Hưng Đạo

DANH MỤC HÀNG HÓA

(kèm theo thư mời số: /TMBG – BVĐK ngày 27/3/2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

STT	Danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo mổ Khoa: Phẫu thuật gây mê hồi sức	Áo: Theo mẫu -Màu sắc: màu xanh két; - Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²)147.8 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 240x230±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.8)x(-1.4) ± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 - Kiểu dáng: Áo phẫu thuật dài tay, chiều dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6 cm, buộc dây phía sau. In Logo bệnh viện phía ngực trái	Cái	200
2	Quần áo của phẫu thuật viên cỡ nhỏ Khoa: Phẫu thuật gây mê hồi sức	Áo: Theo mẫu - Màu sắc: màu xanh két; - Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²)147.8 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 240x230±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.8)x(-1.4) ± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 - Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, dài tay, cổ trái tim (viền vàng phía sau cổ) chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. In Logo bệnh viện phía ngực trái; Quần: Theo mẫu	Bộ	200

		- Màu sắc: màu xanh két; - Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²) 147.8 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $240 \times 230 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.8) \times (-1.4) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.		
3	Quần áo của phẫu thuật viên cỡ nhỏ Khoa: Phẫu thuật gây mê hồi sức	Áo: Theo mẫu - Màu sắc: màu xanh két; - Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²) 147.8 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $240 \times 230 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.8) \times (-1.4) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 - Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, dài tay, cổ trái tim (viền vàng phía sau cổ) chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. In Logo bệnh viện phía ngực trái; Quần: Theo mẫu - Màu sắc: màu xanh két; - Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²) 147.8 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $240 \times 230 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.8) \times (-1.4) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	Bộ	200

4	Quần áo bệnh nhân cỡ nhỏ	Áo: Theo mẫu - Màu sắc: Vải Trắng sọc đen; - Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 3 túi. In Logo bệnh viện phía ngực trái(May ghi số 1 phía sau cổ) Quần: Theo mẫu - Màu sắc: Cùng màu sắc, họa tiết với màu sắc, họa tiết của áo; - Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1) ± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Quần kiểu pyjama, quần chun, có 1 túi sau;(May ghi số 1 phía sau cặp quần)	Bộ	700
5	Quần áo bệnh nhân cỡ nhỏ	Áo: Theo mẫu - Màu sắc: Vải Trắng sọc đen; - Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 3 túi. In Logo bệnh viện phía ngực trái(May ghi	Bộ	800

		số 2 phía sau cổ) Quần: Theo mẫu - Màu sắc: Cùng màu sắc, họa tiết với màu sắc, họa tiết của áo; - Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M ²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1) ± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Quần kiểu pyjama, quần chun, có 1 túi sau;(May ghi số 2 phía sau cặp quần)		
6	Quần áo bệnh nhân cỡ to	Áo: Theo mẫu - Màu sắc: Vải Trắng sọc đen; - Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M ²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 3 túi. In Logo bệnh viện phía ngực trái(May ghi số 3 phía sau cổ) Quần: Theo mẫu - Màu sắc: Cùng màu sắc, họa tiết với màu sắc, họa tiết của áo; - Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M ²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1) ± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Quần kiểu pyjama, quần chun, có 1 túi sau;(May ghi số 3 phía	Bộ	700

		sau cạp quần)		
7	Quần thúng nội soi Khoa: Nội tiêu hóa	Vải Xanh;(Theo mẫu) +Khối lượng vải (G/M ²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Quần chun, 2 túi chéo , May lỗ thủng phía sau mông	Cái	50
8	Quần áo bệnh nhân số 1 Phòng tự nguyện	Áo: Theo mẫu - Màu sắc: Vải Trắng sọc đen; - Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M ²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang mông; phía trước có 3 túi. In Logo bệnh viện phía ngực trái (May ghi số 1 phía sau cổ) Quần: Theo mẫu - Màu sắc: Cùng màu sắc, họa tiết với màu sắc, họa tiết của áo; - Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M ²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1) ± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Pizama, quần chun, có 1 túi sau, May ghi số 1 phía sau cạp quần	Bộ	200
9	Quần áo bệnh nhân số 2	Áo: Theo mẫu - Màu sắc: Vải Trắng sọc đen;	Bộ	200

	Phòng tự nguyện	- Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 3 túi. In Logo bệnh viện phía ngực trái (May ghi số2 phía sau cổ) Quần: Theo mẫu - Màu sắc: Cùng màu sắc, họa tiết với màu sắc, họa tiết của áo; - Chất liệu: Vải cotton hoặc kate; +Khối lượng vải (G/M²): 96.0 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1) ± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 Kiểu dáng: Pizama, quần chun, có 1 túi sau, May ghi số 2 phía sau cạp quần		
10	bệnh nhân phòng tự nguyện	Kích thước: 90 cm x 1.9 cm - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu: kaki xanh két hoặc tương đương; +Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	300
11	Ga giường bệnh nhân	- Kích thước: 1,4 m x 2.4m; - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu: kaki xanh két hoặc tương đương; +Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2;	Cái	1.500

		+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4 - Kích thước: 1,5cm x 6cm; - Màu sắc: Màu xanh kết;		
12	Dây buộc	- Chất liệu: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	100
13	Dây buộc dụng cụ Khoa: Kiểm soát nhiễm khuẩn	- Kích thước: 2cm x 1,2m; - Màu sắc: Màu xanh kết; - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	600
14	Lõi Chăn bông	- Kích thước: 1,9m x 1,6m; - Màu sắc: Trắng -Trọng lượng:1600 g - Chất liệu: Lõi chăn bông siêu nhẹ; - Hãng sản xuất: Nam Định- Việt Nam hoặc tương đương;	Cái	300
15	Xăng + Túi nội soi Khoa: Phẫu thuật gây	- Kích thước túi nội soi: 40cm x 35cm (May theo mẫu); - Kích thước xăng nội soi: 50cm x 50 cm (May theo mẫu); - Màu sắc: Màu xanh kết; - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương	Bộ	100

	mê hồi sức	- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $465 \times 250 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4		
16	Vỏ chăn	- Kích thước: 1,65m x 1,95m; - Màu sắc: vải hoa; - Chất liệu: Vải chéo; - In Logo bệnh viện; - Tiêu chuẩn kỹ thuật: + Khối lượng vải (G/M²): 97.8 ± 2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $435 \times 293 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.3) \times (0.0) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4-5	Cái	1.400
17	Xăng bàn tit Khoa: Phẫu thuật gây mê hồi sức	- Kích thước: 1,7 m x 1,7m; - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $465 \times 250 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	400
18	Xăng đóng gói dụng cụ (May 2 lớp) Khoa: Phẫu thuật gây mê hồi sức	- Kích thước: 80cm x 80cm; - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $465 \times 250 \pm 2$	Cái	500

		+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1)x(-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4		
19	Xăng mủ Khoa: Phẫu thuật gây mê hồi sức	- Kích thước: 1,5 m x 1,5m. - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m ²) 239.5 ± 2 ; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1)x(-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	1.000
20	Xăng mủ (May 2 lớp)	- Kích thước: 1,2 m x 1,2m; - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m ²) 239.5 ± 2 ; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1)x(-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	100
21	Xăng tủy sống có lỗ Khoa: PHẪU THUẬT GÂY Mê Hồi Sức	- Kích thước: 1 m x 1m; - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m ²) 239.5 ± 2 ; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1)x(-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	100

22	Xăng mỏ mắt (Lỗ tròn: 5cm)	Kích thước: 1m x 80cm - Màu sắc: Màu xanh kệt; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m ²) 239.5 ± 2 ; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $465 \times 250 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	100
23	Xăng có lỗ khoa: Nội thận khớp	Kích thước: 80cm x 80cm; - Màu sắc: Màu xanh kệt; - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m ²) 239.5 ± 2 ; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $465 \times 250 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	100
24	Xăng đón bé (May 2 lớp) Khoa: phụ sản	- Kích thước: 1,5 m x 1,5m; - Màu sắc: Màu xanh kệt; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m ²) 239.5 ± 2 ; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $465 \times 250 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	100
25	Váy sản phụ Khoa Phụ sản	Váy: Theo mẫu - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu vải: Vải Thô Nam định hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải :	Cái	600

		+ Khối lượng vải (G/M²):176.6±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 300x236±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.2)x(-0.3)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 - Kiểu dáng: Chân váy rời, lưng kéo dây rút, chiều dài quá gối 20 cm. In Logo bệnh viện		
26	Xăng vải phin trắng: Khoa sản	- Kích thước: 80 x 80 cm; - Chất liệu vải: Vải Phin Trắng hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải : + Khối lượng vải (G/M²):142.5 ±2 + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 236x236±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-2.9)x(-4.6)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5 - Kiểu dáng: Chân váy rời, lưng kéo dây rút, chiều dài quá gối 20cm . In logo Bệnh Viện.	Cái	1.500
27	Xăng chụp can thiệp mạch 2 lỗ khoa chẩn đoán hình ảnh	- Kích thước: 1,5 m x 1,5m. - Chất liệu: Kaki xanh két hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	10
28	Xăng phẫu thuật không lỗ can thiệp mạch khoa chẩn đoán hình	- Kích thước: 1,2 m x 1,2m. - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: +Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2	Cái	10

		+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4		
29	Xăng trải bàn can thiệp mạch khoa chuẩn đoán hình ảnh	- Kích thước: 1,7 m x 2,5 m. - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m ²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	10
30	Xăng trải bàn chụp mạch vành, có 2 lỗ song song, (Lỗ tròn: 8cm) P. Can thiệp mạch, Khoa Nội tim mạch. [Có mẫu]	Kích thước: 2,0 m 2,0 m Khoảng cách giữa 2 lỗ (từ tâm 2 lỗ 30cm), đường kính lỗ 8cm. Khoảng cách từ mép bên trái toan đến tâm lỗ thứ nhất 60cm, đến tâm lỗ thứ 2 90cm. Khoảng cách từ mép bên phải đến tâm lỗ thứ hai 1,1m, đến tâm lỗ thứ nhất 1,4m. Khoảng cách từ mép trên toan đến 2 lỗ song song 80cm, khoảng cách từ mép dưới toan đến 2 lỗ song song 1,2m	Cái	10
31	Xăng phủ máy Phòng can thiệp mạch Khoa: Nội tim mạch. [Có mẫu]	Kích thước : 2,0 m x 2,0 m - Màu sắc: Màu xanh két; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m ²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	10

32	thuật, (May 2 lớp) Phòng Can thiệp mạch, Khoa: Nội tim mạch. [Có mẫu]	Kích thước : 1,7 m x 1,6 m - Màu sắc: Màu xanh kết; - Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $465 \times 250 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	10
33	Xăng đóng gói dụng cụ Phòng Can thiệp mạch, Khoa: Nội tim mạch	- Kích thước: 1,5 m x 1,5m. - Màu sắc: Màu xanh kết; - Chất liệu: Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (g/m²) 239.5 ± 2; + Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang $465 \times 250 \pm 2$ + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang $(-0.1) \times (-0.2) \pm 0.2$ + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4	Cái	10